TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2021/HN-ST
Ngày: 15-4-2021
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đơn;

2. Ông Nguyễn Văn Hơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 322/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Đặng Thị Bích V, sinh năm 1987; Có mặt

Đăng ký thường trú trú: ấp S L, xã S Đ, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở hiện nay: ấp Đ A, xã H N, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Ông Trần Văn T, sinh năm 1984; Có mặt

Nơi cư trú: ấp S L, xã S Đ, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2020, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Đặng Thị Bích V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2005, chị và anh Trần Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H N, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/7/2005. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh T không làm ăn xây dựng kinh tế mà thường xuyên uống rượu về chửi bới, đánh đập chị. Hiện chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Yến V, sinh ngày 17/10/2006, hiện con đang sống chung với anh T. Sau khi ly hôn, chị giao quyền nuôi con chung lại cho anh T, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị V về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn. Còn về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì chủ yếu do tiền bạc, vợ chồng mỗi lần nhắc đến tiền là cãi nhau, chị V chi li về tiền bạc với anh, có những lúc chị V nói chuyện chạm đến tự ái của anh nên anh có nóng tính, không kiềm chế được dẫn đến việc đánh chị V, từ lúc anh đánh chị V thì chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã H N sinh sống từ khoảng tháng 8/2020 cho đến nay. Nay anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn, anh xin chị V cho anh cơ hội để sửa đổi tính tình, cố gắng xây dựng kinh tế gia đình để lo cho vợ con.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Yến V, sinh ngày 17/10/2006, hiện con đang sống với anh. Trường hợp phải ly hôn, anh yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung, anh không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị Bích V đối với anh Trần Văn T. Ghi nhận chị Vân, anh Tân không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

+ Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trần Thị Yến V, sinh ngày 17/10/2006. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

+ Về nợ chung: Không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H N, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo chị V, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh T không làm ăn xây dựng kinh tế mà thường xuyên uống rượu về chửi bới, đánh đập chị, dẫn đến cả hai không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn. Còn anh T thì cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do tiền bạc, vợ chồng mỗi lần nhắc đến tiền là cãi nhau, chị V chi li về tiền bạc với anh, theo anh đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong đời sống vợ chồng, nay anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị V và anh T thực tế là có xảy ra và giữa hai người có thời gian sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay, với khoảng thời gian

trên cũng đủ cho anh, chị suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành động viên và cho các bên thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị V vẫn không đồng ý hàn gắn và tại phiên tòa, chị V vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh T là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh T là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Có 01 con chung Trần Thị Yến V, sinh ngày 17/10/2006, hiện con đang sống với anh T. Sau khi ly hôn, anh T yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và chị V cũng đồng ý giao quyền trực tiếp nuôi con chung lại cho anh T. Xét thấy sự thỏa thuận này của các đương sự là phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

Ghi nhận anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

[6] Về phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Vân phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị Bích V đối với anh Trần Văn T. Cụ thể tuyên:

Chị Đặng Thị Bích V được ly hôn với anh Trần Văn T. Ghi nhận chị V và anh T không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2/. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trần Thị Yến V, sinh ngày 17/10/2006. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

4/. Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

5/. Về án phí: Chị Đặng Thị Bích V phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001834 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Chị V đã nộp đủ án phí.

6/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;*
- *Cơ quan đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Chí Đức